

Bản án số: **64/2020/HS-ST**
Ngày: 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đinh Thị Kim Phụng.

Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Vi Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 590/2020/QĐ-TA, ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo:

1. Lù Văn L (tên gọi khác: không) sinh năm: 1986, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lù Văn B, sinh năm 1950 và bà Quàng Thị L, sinh năm 1954; Có vợ là Quàng Thị B, sinh năm 1992, đã ly hôn năm 2015 và có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án: không, Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ ngày 21/6/2020, tạm giam từ ngày 24/6/2020, có mặt.

2. Lò Văn T (tên gọi khác: không) sinh năm: 1997, tại tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn T (đã chết) và bà Lò Thị T, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Tiền sự: không; Nhân thân: năm 2017 bị TAND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên kết án 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 03/02/2019, bị cáo chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giữ ngày 21/6/2020, tạm giam từ ngày 24/6/2020, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn L: bà Lò Thị X, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* ông Nguyễn Trần D, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* bà Lò Thị C, sinh năm 1972, trú tại: bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

- *Người chứng kiến:* ông Lò Văn S, sinh năm: 1968; địa chỉ: bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 20/6/2020, bị cáo Lù Văn L gặp người phụ nữ tên H tại khu vực bản X, xã T, huyện Đ. Do có quen biết từ trước, H đã chủ động đặt vấn đề mua 02 túi hồng phiến với giá 05 triệu đồng/01 túi, bị cáo L đồng ý. H muốn có hồng phiến để kiểm tra trước, bị cáo L nói muốn có hồng phiến thì đưa tiền trước để bị cáo đi mua. H đưa cho bị cáo L 200.000 đồng và hẹn ngày mai nếu có hồng phiến bán thì sẽ kiểm tra luôn. Bị cáo Lù Văn L đi mua hồng phiến nhưng không được, nên đã dùng tiền của H đưa để mua đồ dùng sinh hoạt cho gia đình.

Khoảng 15 giờ ngày 21/6/2020, bị cáo Lù Văn L tiếp tục đi sang bản X, xã T thì gặp bị cáo Lò Văn T. Bị cáo Lù Văn L hỏi bị cáo T có chỗ nào bán hồng phiến không, bị cáo L muốn mua 02 túi với giá 4,5 triệu đồng/01 túi. Bị cáo Lò Văn T nói để đi hỏi mua nếu có sẽ thông báo cho bị cáo L biết. Bị cáo Lò Văn T đi bộ lên lán của Lò Thị C tại thôn H, xã T hỏi mua được 02 túi hồng phiến với giá 3,5 triệu đồng/01 túi; bị cáo T trả trước cho C 02 triệu đồng, số tiền còn lại hẹn khi bán được hồng phiến sẽ trả sau. Thống nhất xong, bị cáo Lò Văn T đi bộ đến nhà bị cáo Lù Văn L thông báo đã có hồng phiến và nói bị cáo L chuẩn bị tiền. Sau đó, bị cáo T quay lại lán của Lò Thị C nhận 02 túi hồng phiến được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng cất giấu vào phía trong quần đang mặc của bị cáo và mượn xe máy biển kiểm soát 27N1 -056.25 của C đi đến nhà bị cáo L.

Sau khi bị cáo T thông báo đã có hồng phiến, bị cáo L gọi điện thoại cho H và hẹn gặp tại đoạn đường rẽ vào bản N, xã T để trao đổi mua bán ma túy. Đúng lúc này, ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1959, trú tại thôn 6, xã P, huyện Đ đi xe máy có biển kiểm soát 27AA-002.70 đến nhà rủ bị cáo L đi làm gạch, bị cáo L hỏi mượn xe máy của ông A để đi ra ngoài có chút việc, nhưng thực tế là đi xuống chỗ hẹn với H và bị cáo T. Bị cáo Lù Văn L gặp H và nói chuyện được khoảng 40 phút thì bị cáo Lò Văn T đến nơi. Bị cáo Lò Văn T lấy 02 túi hồng phiến từ trong người để vào chiếc túi xách được treo sẵn trên xe máy của bị cáo L và nói “hồng phiến trong túi này”. H đưa 01 con dao nhọn cho bị cáo L bảo mở gói hồng phiến ra xem. Khi bị cáo L vừa kiểm tra hồng phiến xong thì phát hiện lực lượng công an đến, do hoảng sợ, bị cáo L cầm gói hồng phiến thả xuống đất nhưng ngay sau đó, bị cáo đã tự nhặt gói hồng phiến lên giao nộp cho

lực lượng Công an. Công an huyện Điện Biên bắt giữ được bị cáo Lù Văn L và bị cáo Lò Văn T còn H đã lên xe máy bỏ chạy thoát.

Tại bản Kết luận giám định số: 595/GĐ-PC09, ngày 30/6/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 02 (hai) mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lù Văn L, Lò Văn T gửi giám định là chất ma túy: loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn T, Lù Văn L là 38,08 gam.

Cáo trạng số: 60/CT-VKS-P1 ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Lù Văn L, Lò Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lù Văn L và Lò Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lù Văn L từ 15 năm đến 16 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 16 năm đến 17 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Về vật chứng vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy 37,04 gam Methamphetamine, đã trừ mẫu gửi giám định và 01 (một) con dao bằng kim loại dài 15 cm, chiều dài lưỡi dao 07 cm; tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, đã qua sử dụng, thu giữ của Lù Văn L. Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn L không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: do bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo; bị cáo có nhân thân tốt, một mình bị cáo đang nuôi con nhỏ chưa thành niên; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; đề nghị xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, số ma túy chưa bị phát tán ra xã hội; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba, đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo ở mức án 16 năm tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người chứng kiến ông Lò Văn S trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/6/2020, ông S được tổ công tác Công an huyện Điện Biên mời chứng kiến việc bắt giữ Lò Văn L, trú tại bản N, xã T và Lò Văn T, trú tại bản X, xã T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Khi bắt giữ Lò Văn L đã thu giữ 02 túi nilon màu xanh, miệng túi có nẹp bấm, bên trong có các viên nén màu hồng, một mặt viên nén có chữ WY. Ông S nghe thấy L và T khai với công an 02 túi viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp L mua của T với giá 4.500.000 đồng/01 túi để bán cho đối tượng nữ giới tên H với giá 5.000.000 đồng/01 túi, trong khi đang giao dịch mua bán thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang, đối tượng tên H bỏ chạy thoát, L và T bị bắt giữ cùng 02 túi ma túy tổng hợp. Việc bắt giữ Lò Văn L và Lò Văn T cũng như việc khai báo của các đối tượng là tự nguyện, không bị ép buộc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị C trình bày tại cơ quan điều tra: chiều ngày 21/6/2020, bị cáo Lò Văn T vào lán của bà hỏi mượn xe máy đi chơi và mua bao thuốc, bà C nhất trí cho bị cáo T mượn. Bà không bán ma túy cho bị cáo T. Xe máy mang tên chồng bà tên là Lò Văn O. Ngày 12/8/2020 gia đình bà đã nhận lại xe máy do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên trả, bà không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và công nhận lời khai của người chứng kiến là đúng, trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa cho thấy: khoảng 17 giờ ngày 20/6/2020, bị cáo L gặp đối tượng nữ giới tên H ở khu vực bản X, xã T, huyện Đ; H đặt mua của bị cáo L 02 túi Methamphetamine với giá 05 triệu đồng/ 01 túi, H đưa trước cho bị cáo L 200.000 đồng để mua hàng thử trước nhưng không mua được nên bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 15 giờ ngày 21/6/2020, bị cáo L gặp và đặt mua của bị cáo Lò Văn T 02 túi Methamphetamine với giá 4,5 triệu đồng/ 01 túi. Bị cáo Lò Văn T đi lên thôn H, xã T, huyện Đ vào lán nương của Lò Thị C hỏi mua được 02 túi Methamphetamine với giá 3,5 triệu đồng/ 01 túi, bị cáo T trả trước 02 triệu đồng. Sau đó, bị cáo T thông báo cho bị cáo L biết đã có ma túy và bảo bị cáo L hẹn người mua ma túy gặp nhau tại đường rẽ vào bản N, xã T, huyện Đ để trao đổi mua bán. Trong lúc 03 người đang trao đổi mua bán, thì bị tổ công tác Công an huyện Điện Biên, phát hiện bắt giữ, thu giữ 02 túi

Methamphetamine có tổng khối lượng 38,08 gam, lợi dụng sơ hở, đối tượng nữ giới tên H đã chạy thoát. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01- 04); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 75, 76); biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng (BL 77, 78); kết luận giám định (BL 80); biên bản ghi lời khai của người chứng kiến ông Lò Văn S (BL 197, 198) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Lù Văn L, bị cáo Lò Văn T đã mua 38,08 gam Methamphetamine để bán nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Hành vi của các bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng 60/CT-VKS-P1 ngày 08/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lù Văn L, Lò Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình Nhà nước nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà trực tiếp là hoạt động mua, bán chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là một trong các nguyên nhân gây mất trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Ma túy gây tác hại trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, đồng thời nó cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và những tệ nạn xã hội khác. Tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên nói riêng và cả nước nói chung ngày càng diễn biến phức tạp, mặc dù các cơ quan pháp luật tăng cường đấu tranh và xử lý rất nghiêm minh đối với các loại tội phạm này nhưng hành vi phạm tội của các đối tượng ngày càng tinh vi. Hành vi của các bị cáo góp phần làm gia tăng tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Lù Văn L sinh ra và cư trú tại địa bàn đặc biệt khó khăn; do điều kiện gia đình khó khăn nên bị cáo được gia đình tạo điều kiện đi học đến lớp 9/12 thì nghỉ học. Bị cáo chưa có tiền án; chưa có tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lò Văn T được gia đình tạo điều kiện học tập văn hóa đến lớp 9/12 thì thôi học. Bị cáo chưa có tiền sự; năm 2017 bị TAND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên kết án 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 91/2017/HSST, ngày 13/3/2017; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 03/02/2019. Tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích, do đó, bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội tên Lò Văn Đ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân

chương kháng chiến Hạng Ba, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, vừa thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp giản đơn, vai trò của các bị cáo trong vụ án là đều là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm như nhau. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình các bị cáo không có tài sản có giá trị; các bị cáo không có thu nhập thường xuyên, gia đình thuộc hộ nghèo (BL 132, 165); đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các vấn đề khác của vụ án:

- Đối tượng nữ giới tên H theo lời khai của bị cáo Lù Văn L là người đặt mua ma túy của bị cáo, quá trình xác minh Cơ quan cảnh sát điều tra không xác định được con người, địa chỉ cụ thể, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với đối tượng Lò Thị C theo lời khai của bị cáo Lò Văn T là người bán nợ 02 túi Methamphetamine cho bị cáo T, quá trình điều tra Lò Thị C không thừa nhận, Cơ quan CSĐT không có đủ căn cứ để xử lý, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

- Về việc nuôi dưỡng cháu Lù Anh L, sinh năm 2012 con của bị cáo Lù Văn L, theo đề nghị của bị cáo và đơn đề nghị ngày 17/7/2020 của bà Quàng Thị L, sinh năm 1954 (là mẹ ruột của bị cáo L), cơ quan cảnh sát điều tra Công

an tỉnh Điện Biên đã giao cháu L cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi bị cáo Lù Văn L ra trại, tại Quyết định số 08, ngày 22/6/2020. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tiếp tục để cháu Lù Anh L, sinh năm 2012 cho bà Quảng Thị L chăm sóc nuôi dưỡng (BL 167-169c); đồng thời cũng ghi nhận và tiếp tục để cho bà Quảng Thị L quản lý toàn bộ tài sản của bị cáo Lù Văn L cho đến khi bị cáo ra trại (BL 169d-169f).

[8] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Cần tịch thu tiêu hủy 37,04 gam Methamphetamine đã trừ mẫu gửi giám định vì đây là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Lù Văn L là vật bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện phạm tội là 01 (một) con dao bằng kim loại dài 15 cm, chiều dài lưỡi dao 07 cm, thu giữ của bị cáo Lù Văn L.

- Ngày 12/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã trả lại cho ông Lò Văn Ọ chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen, xám; BKS 27N1-056.25, số khung RLHHC 12028Y579986, số máy HC12E-0166355, theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 16/QĐ-CSMT, ngày 12/8/2020 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (BL 97-100, 191), là phù hợp với quy định tại Điều 36, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX chấp nhận.

- Trong quá trình điều tra, ngày 22/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên cũng đã trả lại cho bà Trần Thị L (là vợ của ông Nguyễn Ngọc A) đồng sở hữu hợp pháp chiếc xe máy nhãn hiệu DETECH-ESPERO SUPER CUB màu xanh, BKS 27AA-002.70, số khung RPEWCB1PEBA*013960*, số máy VDEJQ139FMB*013960* và 01 túi xách màu xanh có khóa kéo, quai xách và dây đeo, túi đã qua sử dụng thu giữ của Lù Văn L, theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 103/QĐ-CSMT, ngày 22/8/2020 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (BL 100a – 100đ) là phù hợp với quy định tại Điều 36, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí:

Bị cáo Lù Văn L, bị cáo Lò Văn T thuộc hộ nghèo; căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thấy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn L;

- Điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn T;

- Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lò Văn L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lò Văn L 15 (*mười lăm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2020.

Bị cáo Lò Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 16 (*mười sáu*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy các vật sau:

- 01 phong bì niêm phong vật chứng của Công an huyện Điện Biên, các mép được dán kín. Mặt trước của phong bì niêm phong có dán mảnh giấy in dòng chữ “Vật chứng: Lò Văn T-SN:1997; Nơi cư trú: Bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và Lò Văn L-SN: 1986; Nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Công an huyện Điện Biên phối hợp với Công an xã Thanh An bắt quả tang ngày 21/6/2020 tại: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy. Khối lượng Số 1: 18,89 gam nghi Ma túy tổng hợp, trích mẫu M1: 0,54 gam gửi giám định, vật chứng còn lại: 18,35 gam. Khối lượng Số 2: 19,19 gam nghi ma túy tổng hợp, trích mẫu M2: 0,5 gam gửi giám định, vật chứng còn lại 18,69 gam. Tổng khối lượng: 38,08 gam (ba mươi tám phẩy không tám gam), tổng trích mẫu: 1,04 gam (một phẩy không bốn gam) gửi giám định, vật chứng còn lại 37,04 gam (ba mươi bảy phẩy không bốn gam). Mặt sau của phong bì niêm phong, tại mép dán có chữ ký, họ tên của Lò Văn L, Trần Hữu Đ, Trần Thị Mỹ H, Nông Quốc H, Nguyễn Trần D, Lò Thị X, Lương Văn H, Lò Văn T, Lò Văn L và dấu niêm phong của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Điện Biên. Ngoài cùng phong bì niêm phong có dán một lớp băng dính trắng (tại Kết luận giám định số: 595/GĐ-PC09, ngày 30/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên, kết luận là ma túy Methamphetamine);

- 01 con dao bằng kim loại dài 15 cm, chiều dài cán dao: 08 cm, chiều dài lưỡi dao: 07 cm.

* Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Văn L.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 08 tháng 9 năm 2020).

3. Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn L và bị cáo Lò Văn T.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Lò Văn L và bị cáo Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lò Thị C có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc I TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa